

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 316/TBHH-TCTBDATHHMN



Ký bởi: Tổng Công Ty Bảo
Đảm An Toàn Hàng Hải
Miền Nam
Ký ngày: 24.12.2021
14:44:59
NGHĨA VIỆT NAM
Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 12 năm 2021



THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn
vào sông Hậu

TVH – 32 – 2021.

Vùng biển: Tỉnh Trà Vinh.

Tên luồng: luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

Căn cứ bình đồ độ sáu, ký hiệu từ TTLSH_2112_01 đến TTLSH_2112_12, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 12 năm 2021, các số liệu liên quan do Xi nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu chiều rộng nhỏ nhất 85 m, chiều dài 52,6 km, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy đo sâu hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” như sau:

1. Đoạn 1 - Đoạn luồng biển: đoạn từ phao BHHH số “0” đến đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cập đăng tiêu số “9”, “12”) có chiều dài 7,7 km như sau:

a). Đoạn từ phao BHHH số “0” đến cặp phao BHHH số “7”, “10” – 200 m, có chiều dài 6,5 km, chiều rộng luồng 150 m như sau:

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “2” + 270 m đến phao BHHH số “6” - 460 m, chiều dài khoảng 1,78 km, độ sâu đạt 5,5 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “6” - 460 m đến phao BHHH số “8” + 200 m, chiều dài khoảng 2,0 km, độ sâu đạt 5,0 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “8” + 200 m đến cặp phao BHHH số “7”, “10” – 200 m, chiều dài khoảng 990 m, độ sâu ở tim luồng đạt 5,0 m, độ sâu đoạn luồng đạt 3,2 m nằm sát biên trái luồng.

b). Đoạn luồng từ cặp phao BHHH số “7”, “10” – 200 m đến đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cập đăng tiêu số “9”, “12”) có chiều dài 1,2 km, chiều rộng luồng 85 m như sau:

- Đoạn luồng từ cặp phao BHHH số “7”, “10” – 200 m đến cặp phao BHHH số “7”, “10” + 570 m, chiều dài khoảng 820 m, độ sâu ở tim luồng đạt 5,7 m, độ sâu đoạn luồng đạt 2,3 m nằm sát biên trái luồng.

- Đoạn luồng từ cặp phao BHHH số “7”, “10” + 570 m đến đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cập đăng tiêu số “9”, “12”) có

chiều dài khoảng 400 m, độ sâu ở tim luồng đạt 7,1 m, độ sâu đoạn luồng đạt 6,2 m nằm sát biên trái luồng.

Ngoài các đoạn có độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,5 m.

2. Đoạn 2 - đoạn luồng Kênh Tắt: Từ đê biển Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cặp đăng tiêu số “9”, “12”) đến Ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt có chiều dài 8,7 km, chiều rộng 85 m như sau:

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu số “13”, “16” + 500 m đến cặp đăng tiêu số “15”, “18” + 600 m, chiều dài khoảng 1,8 km như sau:

+ Dải độ sâu nằm sát bên phải luồng, độ sâu đạt 5,1 m nằm sát biên luồng.

+ Xuất hiện điểm độ sâu 6,4 m nằm sát biên trái luồng tại khu vực đăng tiêu số “16” + 720 m.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu số “15”, “18” + 600 m đến đăng tiêu số “22” - 500 m, chiều dài khoảng 2,3 km xuất hiện các điểm có độ sâu 6,1 m; 6,2 m tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
6.1	09°36'44,2" N	106°28'23,1" E	09°36'40,5" N	106°28'29,5" E
6.2	09°36'59,4" N	106°28'10,7" E	09°36'55,7" N	106°28'17,2" E
6.1	09°37'03,0" N	106°28'07,2" E	09°36'59,4" N	106°28'13,6" E

- Đoạn luồng từ đăng tiêu số “22” - 500 m đến Ngã ba Kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt, chiều dài khoảng 670 m như sau:

+ Dải độ sâu nằm bên phải luồng chiều dài khoảng 160 m, lần luồng xa nhất 35 m, độ sâu đạt 2,8 m nằm sát biên luồng.

+ Dải độ sâu nằm bên trái luồng lần luồng xa nhất 55 m, độ sâu đạt 0,9 m nằm sát biên luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 5,4 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải độ sâu nêu trên độ sâu trên đoạn luồng này đạt 6,5 m.

3. Đoạn 3 - đoạn luồng kênh Quan Chánh Bó: từ Ngã ba kênh Quan Chánh Bó - kênh Tắt đến Ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao “46”) có chiều dài 20,0 km như sau:

- Xuất hiện điểm có độ sâu 5,9 m nằm sát biên trái luồng tại khu vực đăng tiêu số “24” - 550 m.

- Dải độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ đăng tiêu số “19” + 690 m đến đăng tiêu số “19” + 830 m, chiều dài khoảng 140 m, độ sâu đạt 5,7 m nằm sát biên luồng.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu số “21”, “26” - 640 m đến cặp đăng tiêu số “25”, “30” - 90 m, chiều dài khoảng 4,5 km, độ sâu đạt 4,8 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu ở tim luồng đạt 5,3 m.

- Đoạn luồng từ thượng cặp đăng tiêu số “25”, “30” - 90 m đến cặp đăng tiêu số “29”, “34” - 360 m, chiều dài khoảng 3,6 km, độ sâu đạt 4,1 m nằm sát biên luồng, độ sâu ở tim luồng đạt 4,8 m.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu số “29”, “34” – 360 m đến cặp đăng tiêu số “31”, “36”, chiều dài khoảng 1,4 km, độ sâu đạt 1,4 m nằm sát biên phải luồng trong khu vực tránh tàu; trong phạm vi 85 m tính từ tim luồng ra mỗi bên 42,5 m độ sâu đạt 3,6 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu ở tim luồng đạt 5,0 m.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu số “31”, “36” đến đăng tiêu số “38” - 460 m, chiều dài khoảng 1,5 km, độ sâu đạt 4,0 m, độ sâu ở tim luồng đạt 5,1 m.

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu số “38” - 460 m đến đăng tiêu số “37” + 430 m, chiều dài khoảng 4,5 km, xuất hiện một số điểm có độ sâu 6,3 m; 6,4 m; 6,0 m tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
6,4	09°37'13,6" N	106°19'47,5" E	09°37'09,9" N	106°19'53,9" E
6,3	09°37'10,4" N	106°19'30,6" E	09°37'06,7" N	106°19'37,4" E
6,0	09°37'08,8" N	106°19'18,4" E	09°37'05,1" N	106°19'24,8" E
6,4	09°36'57,1" N	106°18'17,9" E	09°36'53,5" N	106°18'24,4" E
6,4	09°36'53,9" N	106°18'01,1" E	09°36'50,3" N	106°18'07,5" E

- Đoạn luồng từ đăng tiêu số “37” + 430 m đến phao BHHH số “39A” - 150 m, chiều dài khoảng 1,4 km, độ sâu đạt 5,5 m, độ sâu ở tim luồng đạt 6,0 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “39A” - 150 m đến phao BHHH số “46” + 450 m, chiều dài khoảng 1,4 km, độ sâu nhỏ nhất đạt 0,1 m nằm sát biên phải luồng, độ sâu ở tim luồng đạt 5,6 m.

Ngoài các điểm độ sâu và các dải độ sâu nêu trên độ sâu trên đoạn luồng này đạt 6,5 m.

4. Đoạn 4 – đoạn luồng sông Hậu: từ Ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao báo hiệu hàng hải số “46” + 450 m) đến cặp phao BHHH số “57” “64” (khu vực giao với luồng hàng hải Định An – sông Hậu) có chiều dài 16,2 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 95 m như sau:

- Xuất hiện điểm độ sâu 6,2 m tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
6,2	09°36'57,9"N	106°16'11,7"E	09°36'54,2"N	106°16'18,1"E

Ngoài điểm độ sâu nêu trên độ sâu trên đoạn luồng này đạt 6,6 m.

5. Khu nước tránh tàu: trong phạm vi các khu tránh tàu có chiều dài 600 m, chiều rộng 50 m như sau:

- Khu tránh tàu 1 tại phía phải luồng, khu vực cặp đăng tiêu số “19”, “24”: Độ sâu đạt 5,7 m nằm sát biên phải khu tránh tàu.

- Khu tránh tàu 2 tại phía phải luồng, khu vực cặp đăng tiêu số “29”, “34” đến cặp đăng tiêu số “31”, “36”: Độ sâu đạt 1,4 m nằm sát biên phải khu tránh tàu.

6. Chương ngại vật trên luồng:

- Các đáy cá di động xuất hiện rải rác trên đoạn luồng trong khu vực từ ngã ba kênh Tắt đến cặp đăng tiêu số “25”, “30” lần luồng xa nhất khoảng 53,5 m tại khu vực đăng tiêu số “24” – 330 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện hành hải trên tuyến luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu cần cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các điểm độ sâu, dải độ sâu và chướng ngại vật nêu trên. Tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV V;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT & QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Dat}.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thái Công



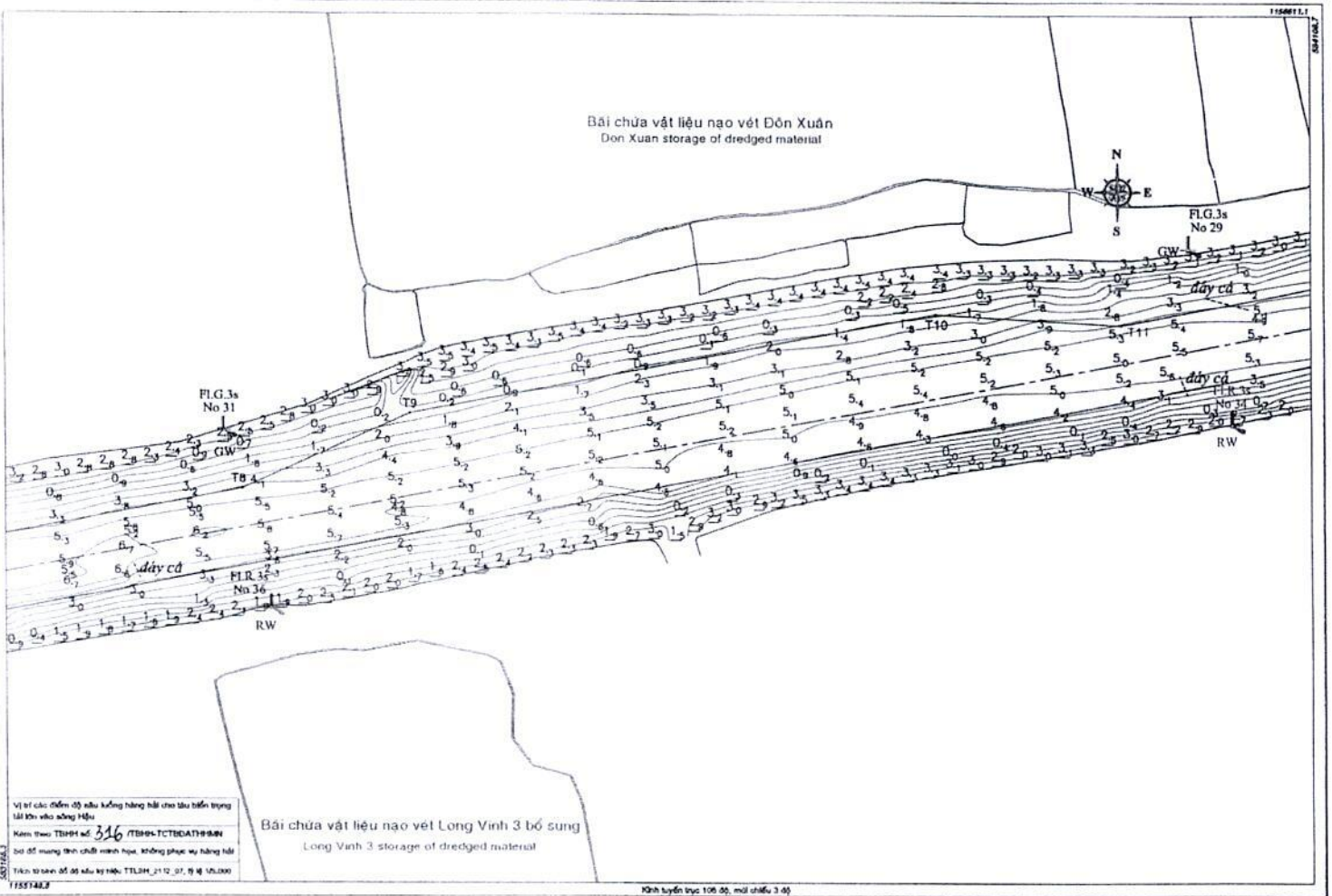
Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
- Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
- Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
- Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
- Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
- Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
- Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
- Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
- Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
- Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE)
- Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
- Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 13 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 14 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 16 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 19 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 20 Cảng Sài Gòn
- 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 23 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 24 CNI Cty CP Trục vớt cứu hộ Việt Nam
- 25 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng
- 26 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh Trà Vinh
- 27 Bộ đội biên phòng tỉnh Trà Vinh
- 28 Phòng CSGT đường thủy tỉnh Trà Vinh
- 29 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ
- 30 Sở GTVT & Sở NN&PTNN TP Cần Thơ
- 31 Bộ đội biên phòng TP Cần Thơ
- 32 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 33 XN Khảo sát hàng hải miền Nam

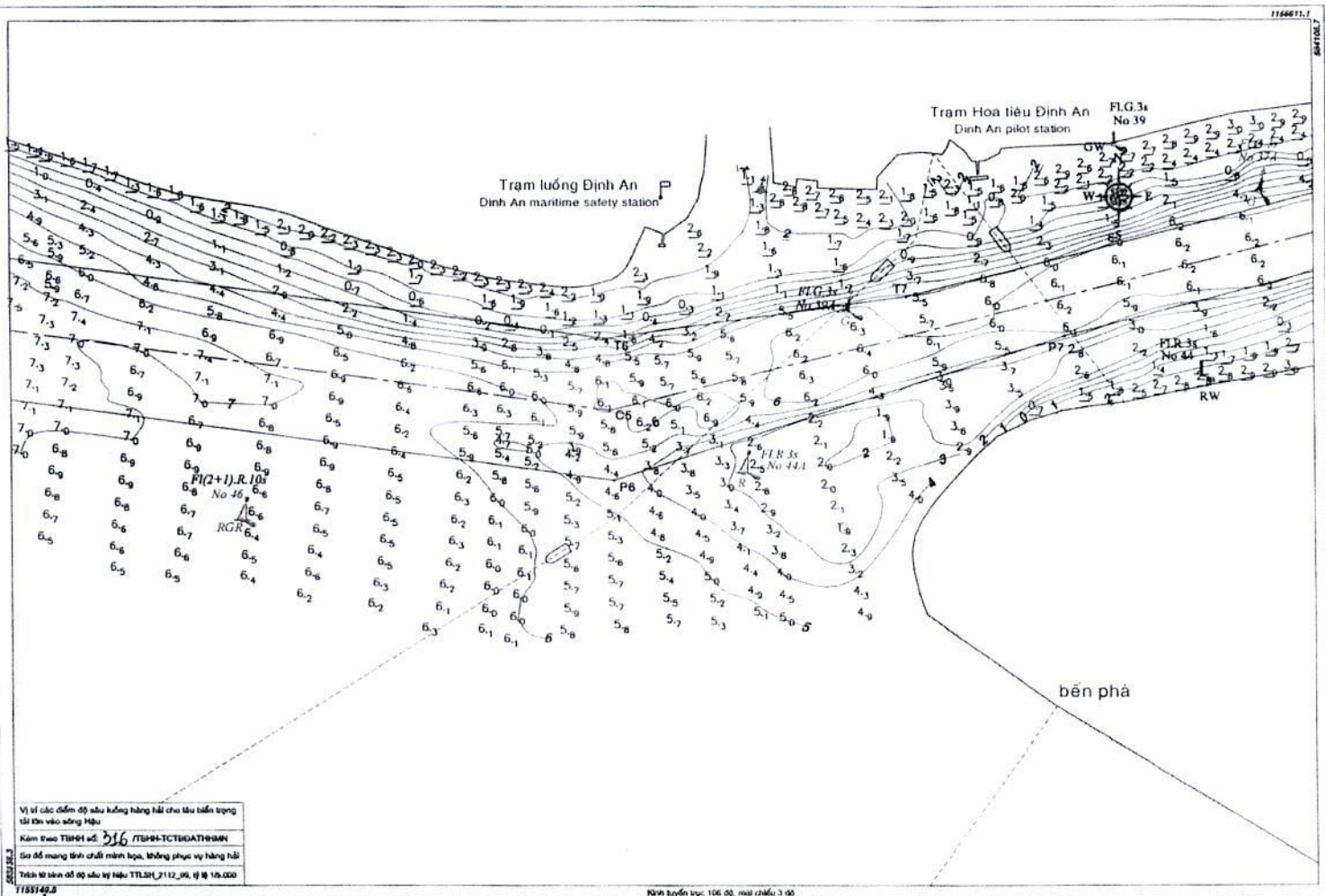
35
ON
NTC
A
7A

1:1000
 CÔNG
 TY BÀI
 NHÀ
 ENNA
 7:00

Bãi chứa vật liệu nạo vét Đồn Xuân
 Don Xuan storage of dredged material



170C DA 3H 1/5





tỉnh Trà Vinh
Tra Vinh province
huyện Duyên Hải
Duyen Hai district
xã Long Toàn
Long Toan commune



Vị trí các điểm độ sâu hướng bằng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.
Kèm theo TSMH số 316/TTTH-H-TCTBĐA TH-HUM
Số để mang tên chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trình độ kinh độ độ sâu kỹ thuật TTLSM_2112_04, tỷ lệ 1:50,000
TSMH-03

Kinh tuyến thực 106 độ, mỗi chiều 3 độ